

Số: 24 /TB-KSBT

Đồng Tháp, ngày 13 tháng 5 năm 2025

THÔNG BÁO
Yêu cầu báo giá

Kính gửi: Các nhà cung cấp dịch vụ tại Việt Nam

Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Đồng Tháp có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá làm cơ sở tổ chức Mua hoá chất xét nghiệm mẫu nước năm 2025 với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Đồng Tháp.
 - Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá: Phạm Nguyễn Thanh Liêm – Viên chức – Khoa dược – VTYT; Số điện thoại: 0867960146; Email: tliem0408@gmail.com
 - Cách thức tiếp nhận báo giá:
 - Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Phạm Nguyễn Thanh Liêm – Viên chức – Khoa dược – VTYT - Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Đồng Tháp – Địa chỉ: 394 Lê Đại Hành, phường Mỹ Phú, thành phố Cao Lãnh, Đồng Tháp.
 - Nhận qua email: tothaucdcdt@gmail.com
 - Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 09h00 ngày 14 tháng 5 năm 2025 đến trước 09h00 ngày 26 tháng 5 năm 2025.
- Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.
- Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 26 tháng 5 năm 2025.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

- Danh mục dịch vụ:

STT	Danh mục hàng hoá	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Yêu cầu về xuất xứ hàng hoá	Đơn vị tính	Số lượng
1	Methyl red	25g/chai	Các nước Châu Âu hoặc Châu Mỹ	Chai	1
2	Chuẩn NO ₂	Nồng độ, hàm lượng: ≥ 990 mg/L; 500 mL/chai	Các nước Châu Âu hoặc Châu Mỹ	Chai	1
3	Chuẩn Sulfat	Nồng độ, hàm lượng: ≥ 990 mg/L; 500 mL/chai	Các nước Châu Âu hoặc Châu Mỹ	Chai	1
4	Chuẩn Sắt	Nồng độ, hàm lượng: ≥ 990 mg/L; 500 mL/chai	Các nước Châu Âu hoặc Châu Mỹ	Chai	1
5	NaCl	Nồng độ, hàm lượng: ≥ 99,5%; 500 g/chai	Các nước Châu Âu hoặc Châu Mỹ	Chai	1

6	HCl 37%	Nồng độ 37%; 1000 mL/chai	Các nước Châu Âu hoặc Châu Mỹ	Chai	1
7	H ₂ SO ₄ (95-97%)	Nồng độ 95-97%; 1000 mL/chai	Các nước Châu Âu hoặc Châu Mỹ	Chai	1
8	Isopropanol	Nồng độ, hàm lượng: ≥ 99,5%; 1000 g/chai	Các nước Châu Âu hoặc Châu Mỹ	Chai	1
9	Chuẩn NO ₃	Nồng độ, hàm lượng: ≥ 990 mg/L; 500 mL/chai	Các nước Châu Âu hoặc Châu Mỹ	Chai	1
10	Chuẩn NH ₃	Nồng độ, hàm lượng: ≥ 990 mg/L; 500 mL/chai	Các nước Châu Âu hoặc Châu Mỹ	Chai	1
11	HgI ₂	Nồng độ, hàm lượng: ≥ 99%; 100 g/chai	Các nước Châu Âu hoặc Châu Mỹ	Chai	2
12	KOH	Nồng độ, hàm lượng: ≥ 85%; 1000 g/chai	Các nước Châu Âu hoặc Châu Mỹ	Chai	3
13	Phenol	Nồng độ, hàm lượng: ≥ 99%; 500 g/chai	Các nước Châu Âu hoặc Châu Mỹ	Chai	1
14	Ammonium acetate CH ₃ COONH ₄	Nồng độ, hàm lượng: ≥ 98%; 1000 g/chai	Các nước Châu Âu hoặc Châu Mỹ	Chai	1
15	1,10 Phenanthroline monohydrate	Nồng độ, hàm lượng: ≥ 99,5%; 10 g/chai	Các nước Châu Âu hoặc Châu Mỹ	Chai	1
16	Sodium hydroxide-NaOH	Nồng độ, hàm lượng: ≥ 99%; 1000 g/chai	Các nước Châu Âu hoặc Châu Mỹ	Chai	1
17	NH ₂ OH.HCl	Nồng độ, hàm lượng: ≥ 98%; 500 g/chai	Các nước Châu Âu hoặc Châu Mỹ	Chai	2
18	Titriplex III solution	Nồng độ, hàm lượng: 0.1N; 100 mL/ống	Các nước Châu Âu hoặc Châu Mỹ	Ống	1
19	Chuẩn Flo	Nồng độ, hàm lượng: ≥ 990 mg/L; 500 mL/chai	Các nước Châu Âu hoặc Châu Mỹ	Chai	1
20	Triethanolamine	Nồng độ, hàm lượng: ≥ 99%; 250 mL/chai	Các nước Châu Âu hoặc Châu Mỹ	Chai	1
21	Oxalic acid	Nồng độ, hàm lượng: 0.05 mol/L (0.1N); 100 mL/ống	Các nước Châu Âu hoặc Châu Mỹ	Ống	1
22	Potassium permanganate solution	Nồng độ, hàm lượng: 0.02 mol/L (0.1N); 1000 mL/chai	Các nước Châu Âu hoặc Châu Mỹ	Chai	1
23	Chuẩn độ đục	<0,1 NTU; 15 NTU; 100 NTU; 750 NTU; (4 cuvet/bộ, cuvet 10 mL, dài 6 cm, đường kính trong 2 cm, phù hợp với máy đo độ đục HI98713)	Các nước Châu Âu hoặc Châu Mỹ	Bộ	1
24	Chuẩn Pt-Co 500 TCU	500 mL/chai	Các nước Châu Âu hoặc Châu Mỹ	Chai	1
25	Resorcinol	Nồng độ, hàm lượng: ≥ 99,8%; 100 g/chai	Các nước Châu Âu hoặc Châu Mỹ	Chai	1
26	Ba(OH) ₂ .H ₂ O	Nồng độ, hàm lượng: ≥ 98%; 500 g/chai	Các nước Châu Âu hoặc Châu Mỹ	Chai	1
27	C ₁₂ H ₂₂ O ₁₁	250 g/chai	Các nước Châu Âu hoặc Châu Mỹ	Chai	1
28	Na ₂ CO ₃	Nồng độ, hàm lượng: ≥ 99.9%; 500 g/chai	Các nước Châu Âu hoặc Châu Mỹ	Chai	1

29	$\text{Na}_2\text{WO}_4 \cdot 2\text{H}_2\text{O}$	Nồng độ, hàm lượng: $\geq 99\%$; 250 g/chai	Các nước Châu Âu hoặc Châu Mỹ	Chai	1
30	$\text{Na}_2\text{MoO}_4 \cdot 2\text{H}_2\text{O}$	Nồng độ, hàm lượng: 99.5 - 103%; 500 g/chai	Các nước Châu Âu hoặc Châu Mỹ	Chai	1
31	$\text{LiSO}_4 \cdot \text{H}_2\text{O}$	Nồng độ, hàm lượng: $\geq 99\%$; 250 g/chai	Các nước Châu Âu hoặc Châu Mỹ	Chai	1
32	HgCl_2	Nồng độ, hàm lượng: $\geq 99.5\%$; 50 g/chai	Các nước Châu Âu hoặc Châu Mỹ	Chai	1
33	$\text{Na}_2\text{S}_2\text{O}_3$ khan	Nồng độ, hàm lượng: $\geq 97\%$; 250 g/chai	Các nước Châu Âu hoặc Châu Mỹ	Chai	1
34	KIO_3	Nồng độ, hàm lượng: $\geq 99.7 - 100.4\%$; 100 g/chai	Các nước Châu Âu hoặc Châu Mỹ	Chai	1
35	Na_2CO_3	Nồng độ, hàm lượng: $\geq 99.9\%$; 500 g/chai	Các nước Châu Âu hoặc Châu Mỹ	Chai	1
36	Tinh bột tan	100 g/chai	Các nước Châu Âu hoặc Châu Mỹ	Chai	1
37	p – rosanilin	Nồng độ, hàm lượng: $\geq 99\%$; 25 g/chai	Các nước Châu Âu hoặc Châu Mỹ	Chai	1
38	Acid sulfamic	Nồng độ, hàm lượng: $\geq 99.5\%$; 1000 g/chai	Các nước Châu Âu hoặc Châu Mỹ	Chai	1
39	$\text{Na}_2\text{S}_2\text{O}_5$	Nồng độ, hàm lượng: $\geq 98 - 100.5\%$; 100 g/chai	Các nước Châu Âu hoặc Châu Mỹ	Chai	1
40	NaNO_2	Nồng độ, hàm lượng: $\geq 99\%$; 100 g/chai	Các nước Châu Âu hoặc Châu Mỹ	Chai	1
41	Acid sulfanilic	Nồng độ, hàm lượng: $\geq 99\%$; 100 g/chai	Các nước Châu Âu hoặc Châu Mỹ	Chai	1
42	Acetamide broth (twin pack)	- Khối lượng: $\geq 500\text{g}$ /chai; Đơn vị: g/L Part A - Acetamide 10.0 Part B - Sodium chloride 5.0; Dipotassium hydrogen phosphate 1.39; Potassium dihydrogen phosphate 0.73; Magnesium sulphate 0.5; Phenol red 0.012	Các nước Châu Âu hoặc Châu Mỹ	Chai	1
43	Chormocult coliform agar	- Khối lượng: 500 g/chai; Đơn vị: g/L Enzymatic digest of casein 1.0; Yeast extract 2.0; Sodium chloride 5.0; Sodium dihydrogenphosphate dihydrate 2.2; di-Sodium hydrogenphosphate 2.7; Tryptophane 1.0; Sodium pyruvate 1.0; Tergitol® 7 0.15; Sorbitol 1.0; Agar-agar 10.0; 6-chloro-3-indoxyl-betaDgalactopyranoside 0.2; Isopropyl-beta-D-thiogalactopyranoside 0.1; 5-bromo-4-chloro-3-indoxyl-D-glucuronic acid 0.1	Các nước Châu Âu hoặc Châu Mỹ	Chai	1
44	Pseudomonas	- Khối lượng: 500 g/chai;	Các nước Châu	Chai	1

	selective agar	Đơn vị: g/L Enzymatic digest of gelatin 16.0; Casein hydrolysate 10.0; Potassium sulfate anhydrous 10.0; Magnesium chloride anhydrous 1.4; Agar-agar 11.0	Âu hoặc Châu Mỹ		
45	Sabouraud 4% dextrose agar	- Khối lượng: 500 g/chai; Đơn vị: g/L Peptone from Casein 5.0; Peptone from Meat 5.0; D(+)-Glucose 40; Agar 15	Các nước Châu Âu hoặc Châu Mỹ	Chai	1
46	Trytic soy agar	- Khối lượng: 500 g/chai; Đơn vị: g/L Pancreatic digest of casein 15.0; Papaic digest of soya bean 5.0; Sodium chloride 5.0; Agar agar 15.0	Các nước Châu Âu hoặc Châu Mỹ	Chai	1
47	NaCl	- Khối lượng: 500 g/chai; Molecular weight : 58,44 g/mol CAS-No. : 7647-14-5 EC-No. : 231-598-3	Các nước Châu Âu hoặc Châu Mỹ	Chai	1
48	Supplement CN Pseudomonas	- Khối lượng: 10 lọ/hộp; N-Cetyl-N'N'-trimethylammonium bromide; sodium-1-ethyl-1,4-dihydro-7-methyl-4-oxo-1,8-naphthyridin-3-carboxylate	Các nước Châu Âu hoặc Châu Mỹ	Hộp	1
49	Bactident Oxidasa	- Khối lượng: 50 Strip/hộp; The reaction zone of a test-strip contains: N,N-dimethyl-1,4-phenylene diammonium dichloride 0.1 umol; 1-naphthol 1.0 umol.	Các nước Châu Âu hoặc Châu Mỹ	Hộp	5
50	Peptone water	- Khối lượng: 500 g/chai; Đơn vị: g/L Peptone (includes enzymatic digest of casein) 10.0; Sodium chloride 5.0; Potassium dihydrogen phosphate 1.5; di-Sodium hydrogen phosphate dodecahydrate 9.0	Các nước Châu Âu hoặc Châu Mỹ	Chai	1
51	Caryblair medium	- Khối lượng: 500 g/chai; Đơn vị: g/L Disodium hydrogen phosphate 1.1; Sodium thioglycollate 1.5; Sodium chloride 5.0; Agar 5.0	Các nước Châu Âu hoặc Châu Mỹ	Chai	1
52	MacConkey agar	- Khối lượng: 500 g/chai; Đơn vị: g/L Pancreatic digest of gelatin 17.0; Peptic digest of casein 1.5; Peptic digest of	Các nước Châu Âu hoặc Châu Mỹ	Chai	1

		animal tissue 1.5; NaCl 5.0; Lactose 10.0; Bile salt mixture 1.5; Neutral red 0.03; Crystal violet 0.001; Agar 13.5			
53	Mannitol salt phenol red agar	- Khối lượng: 500 g/chai; Đơn vị: g/L Peptone from Casein 5.0; Enzymatic Digest of Animal Tissue 5.0; Beef Extract 1.0; NaCl 75.0; D(-)-Mannitol 10.0; Phenol Red 0.025; Agar 12.0	Các nước Châu Âu hoặc Châu Mỹ	Chai	1
54	Urea broth	- Khối lượng: 500 g/chai; Đơn vị: g/L Yeast Extract 0.1; KH ₂ PO ₄ 9.1; Na ₂ HPO ₄ 9.5; Urea 20; Phenol Red 0.01	Các nước Châu Âu hoặc Châu Mỹ	Chai	1

2. Địa điểm cung cấp dịch vụ: dịch vụ phải được thực hiện, bàn giao trực tiếp tại Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Đồng Tháp – Địa chỉ: 394 Lê Đại Hành, phường Mỹ Phú, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp và Nhà cung cấp dịch vụ phải đảm bảo đúng chất lượng, số lượng và được bảo quản theo quy định hiện hành.

3. Thời gian giao hàng dự kiến: tối đa trong vòng 60 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

4. Dự kiến về các điều khoản thanh toán hợp đồng: Sau khi thực hiện dịch vụ theo hợp đồng đã ký và Nhà Thầu cung cấp đầy đủ các tài liệu liên quan (*Hoá đơn GTGT và các tài liệu khác (nếu có)*), Bên mời thầu sẽ thanh toán 01 lần duy nhất theo hình thức chuyển khoản cho Nhà thầu.

5. Các thông tin khác (nếu có): Không.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, KD.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Thị Thu Hương

Mẫu báo giá
BÁO GIÁ

Kính gửi: ... [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá]

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của.... [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá], chúng tôi....[ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các hàng hoá như sau:

1. Báo giá cho các hàng hoá và dịch vụ liên quan

STT	Danh mục hàng hoá ⁽²⁾	Tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật của hàng hoá ⁽³⁾	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất ⁽⁴⁾	Xuất xứ hàng hoá ⁽⁵⁾	Đơn vị tính	Số lượng/ khối lượng ⁽⁶⁾	Đơn giá (VND) ⁽⁷⁾	Thành tiền (VND)	Ghi chú
1	Hoá chất A				Chai				
2	Hoá chất A				Ống				
n	...								

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày], kể từ ngày ... tháng... năm. ...[ghi ngàytháng...năm... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I - Yêu cầu báo giá].

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị của các hàng hoá nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

...., ngày.... tháng....năm....

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp⁽⁸⁾

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

Ghi chú: Báo giá chỉ được xem là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các yêu cầu do bên mời báo giá đưa ra trong thông báo, được ký và đóng dấu xác nhận bởi người đại diện hợp pháp hoặc được uỷ quyền bởi người đại diện hợp pháp của Nhà cung cấp dịch vụ. Các trường hợp khác sẽ được xem là không hợp lệ và Bên mời báo giá sẽ không giải quyết các khiếu nại sau này.